

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TRAO ĐỔI VỀ HỆ THỐNG PHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC DÂN

Phạm Hồng Vân

Phó Viện trưởng - Viện Khoa học Thống kê

**H**ệ thống phân ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam được xây dựng từ những thập kỷ 50 và trong quá trình thực hiện đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn xây dựng và phát triển kinh tế xã hội .

Hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân do Chính phủ ban hành theo nghị

định 75/CP ngày 27 tháng 10 năm 1993 ra đời trong bối cảnh nền kinh tế nước ta còn đang ở thời điểm bước đầu chuyển đổi cơ chế quản lý hành chính bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN.

Qua hơn 7 năm thực hiện bảng phân ngành 1993 đã khẳng định vai trò, tác dụng nhận dạng, xác định thực trạng và

thúc đẩy sự phát triển tự giác của các ngành, các lĩnh vực và các khu vực kinh tế theo hướng chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 do Đại hội VII đề ra.

Đến nay hệ thống phân ngành KTQD năm 1993 đã được các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt và sử dụng rộng rãi như là thước đo chính thức mức độ đóng góp của các ngành đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội qua số liệu thống kê các cấp, các ngành, các địa phương cũng như trên phạm vi cả nước.

Tuy nhiên, tình hình những năm đầu thập niên 90 không ổn định, nền kinh tế chưa được định hình, chế độ hạch toán mới chưa hình thành, vì vậy hệ thống phân ngành KTQD năm 1993 cũng có một số vấn đề cần xem xét lại và bổ sung hoàn chỉnh hơn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Qua trao đổi với 34 Cục Thống kê tỉnh, thành phố, chúng tôi sơ bộ nêu lên một số ý kiến ban đầu để trao đổi rộng rãi mong tìm ra giải pháp phù hợp kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện hệ thống phân ngành KTQD.

1. Về những quy định trong hệ thống phân ngành năm 1993 về cơ bản là đã cố gắng bám sát thực tiễn Việt Nam và vận dụng tiêu chuẩn quốc tế, song còn một số vấn đề do chưa lường trước được xu hướng phát triển nên khi quy định chung và đặc biệt là quy định chi tiết theo các ngành cấp III, cấp IV chưa được đầy đủ, chuẩn xác, chẳng hạn:

+ Ngành Lâm nghiệp ở nước ta từ lâu đời đã chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng cả về kinh tế xã hội, môi trường nhưng trong bảng phân ngành không được chi tiết hoá, chỉ có một mã số ngành cấp II (02. Lâm nghiệp và các dịch vụ có liên quan), nên trong công tác hạch toán đành phải gộp chung vào một, cả phần phát

triển và khai thác, thậm chí khai thác bừa bãi có tính huỷ diệt .

Hầu hết các địa phương có nhiều rừng kiến nghị cần phải chi tiết ra ít nhất là 4 ngành cấp III (của ngành lâm nghiệp cấp II) ví như:

- 0201. Trồng rừng
- 0202. Chăm sóc, tu bổ rừng
- 0203. Khai thác
- 0204. Các hoạt động dịch vụ phục vụ lâm nghiệp
- .....

+ Du lịch cũng được xác định là một ngành mũi nhọn, qui trình hoạt động du lịch bao gồm hoạt động khách sạn, nhà hàng, một phần của hoạt động vận tải, một phần của hoạt động cho thuê, một phần của quản lý công cộng và một phần của hoạt động giải trí, văn hoá thể thao nhưng trong phân ngành chỉ xếp là một ngành cấp IV với mã số 6304 và nằm trong ngành cấp I "Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc", coi hoạt động du lịch ngang hàng với các hoạt động phụ trợ cho vận tải.

Việc tách bạch hoạt động của các tổ chức du lịch, các hoạt động hỗ trợ du lịch (6304) với khách sạn - nhà hàng mã số 55 cũng cần được trao đổi cho phù hợp với nguyên tắc phân ngành, xuất phát từ tính chất phân công lao động xã hội, khắc phục tình trạng phân chia máy móc một hoạt động kinh tế có cùng qui trình công nghệ khép kín thành các nhóm nhỏ và nằm trong nhiều ngành ...

Đối với các ngành dịch vụ (khu vực III) cũng cần trao đổi, xem xét lại cả hai phía: quy định khi phân ngành và xử lý về mặt hạch toán một cách khoa học hơn.

Chúng ta đều biết khu vực III, các ngành dịch vụ thường bao gồm rất nhiều ngành từ vận tải, thương nghiệp, tài chính,

ngân hàng, văn hoá, giáo dục... y tế, hành chính, sự nghiệp, an ninh quốc phòng... Hơn nữa giá trị được phân phối, bù đắp của các ngành dịch vụ thường cao gấp bội so với các ngành công nghiệp, nông nghiệp. Điều đáng chú ý là trong giá trị sản xuất của khu vực III- dịch vụ lại chứa đựng nhiều yếu tố hoạt động vòng vo, hạch toán trùng lặp, thậm chí bao gồm cả những phần giá trị sản xuất do phải khắc phục hậu quả tiêu cực, do phải giải quyết tai nạn, tệ nạn xã hội ...

Nước ta còn đang là một nước nghèo, quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá mới đang ở giai đoạn đầu, các hoạt động dịch vụ cơ bản là giản đơn với năng suất thấp nhưng lại có lợi thế đòi hỏi thu nhập cao. Do vậy, tỷ trọng khu vực III- dịch vụ trong GDP như hiện nay (40,5%) là không phản ánh vị trí đứng đầu trong nền kinh tế, mà theo quan điểm của các nhà khoa học là chỉ khi nào nền kinh tế bước vào thời đại hậu công nghiệp, sau một thời gian phát triển dài thì ngành dịch vụ mới có điều kiện về thị trường, về nhân tài với năng lực kinh doanh, quản lý tiên tiến, về cơ sở hạ tầng liên quan đến hệ thống thông tin, ngân hàng...) trở thành đầu đàn của nền kinh tế (GS.TS. Trần Văn Thọ - CNH Việt nam trong thời đại Châu Á - Thái bình Dương - Nhà XB TP. Hồ Chí Minh -1997 trang 242).

2. Về mặt hướng dẫn thi hành: Các Cục Thống kê tỉnh/thành phố đặc biệt quan tâm đến các tài liệu hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Song đáng tiếc các tài liệu hướng dẫn hiện hành còn nhiều điểm không rõ ràng hoặc không thống nhất và đôi khi còn bất hợp lý gây khó khăn cho cơ sở khi hạch toán theo ngành.

Trong đó có một số vấn đề cần được xem xét:

+ Việc xác định phạm vi của từng ngành và nguyên tắc phân loại đơn vị cơ sở trong tình hình hoạt động kinh tế hiện

nay các đơn vị chưa ổn định và có xu hướng kinh doanh tổng hợp đa ngành.

+ Việc phân ranh giới giữa các hoạt động sơ chế và chế biến, chế tạo; giữa gia công chế tạo và dịch vụ sửa chữa; giữa quản lý Nhà nước và sự nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh trong cùng một đơn vị; giữa bán lẻ trong cửa hàng và ngoài cửa hàng, giữa quản lý nhà nước và các cơ quan tư pháp... chưa đề ra được nguyên tắc rõ ràng để phân định.

+ Còn một số hoạt động trong thực tế phát sinh nhưng chưa được quy định, hướng dẫn xếp vào các ngành cụ thể để thống nhất thực hiện như sản xuất cây giống, hạt giống, con giống, hoạt động xổ số, hoạt động bó toán, tương số, sản xuất vàng mã...

+ Tài liệu hướng dẫn không thống nhất còn chông chéo giữa các Vụ nghiệp vụ trong Tổng cục Thống kê trên một số vấn đề cụ thể cũng cần được khắc phục. Tuy nhiên, những văn bản pháp quy ra sau cần bảo đảm tính bổ sung có nguyên tắc, trong khi chưa điều chỉnh, bổ sung được trên văn bản gốc thì cần có quy định tạm thời và được giải thích rõ ràng.

Ví dụ: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp có hay không bao gồm hoạt động trồng mới và chăm sóc cây lâu năm; sản xuất muối xếp vào ngành khai thác mỏ hay là ngành thuỷ sản; xổ số xếp vào ngành tài chính hay ngành hoạt động văn hoá thể thao; giáo dục mầm non cũng cần điều chỉnh theo luật giáo dục; cầm đồ xếp vào bán lẻ hay tín dụng; sản phẩm khí đốt xếp vào ngành công nghiệp khai thác mỏ (Vụ Tài khoản quốc gia) hay ngành sản xuất và phân phối điện (Vụ Công nghiệp)...

3. Về từ ngữ sử dụng trong khi nêu các tiêu đề ngành còn nhiều chỗ rườm rà, trùng lặp giữa ngành cấp II và ngành cấp III. Có thể nên tóm tắt ngắn gọn hơn để dễ phổ cập và khỏi nhầm lẫn.